TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐĂK HÀ** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 18/11/2019
V/v "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐĂK HÀ-TỈNH KON TUM.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Kim Anh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hoàng Văn Hưng.
2. Bà Nguyễn Thị Lánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Huynh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum tham gia phiên toà: Bà Đàm Thị Bé-Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2019, về việc "*Xin ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXX-ST ngày 31 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ông Trần Đình S, sinh năm 1952.
Địa chỉ: Thôn K, xã Ng, huyện H, tỉnh T. Có mặt .

2. Bị đơn: Bà Vũ Thị X, sinh năm 1955.
Địa chỉ: Thôn K, xã Ng, huyện H, tỉnh T . Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề 31 tháng 12 năm 2018; đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 5 năm 2019 và lời khai tại Tòa án ngày 05/6/2019, ngày 11/10/2019, nguyên đơn ông Trần Đình S trình bày: Ông và bà Vũ Thị X kết hôn với nhau vào ngày 13 tháng 11 năm 1981, tại Ủy ban nhân dân xã Hồng L, huyện Vũ Th, tỉnh B, trên tinh thần tự nguyện và được hai bên gia đình đồng ý. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2016 và đầu năm 2017 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn, là do giữa ông và bà X không tin tưởng nhau, luôn nghi ngờ lẫn nhau, bà X ghen tuông vô cớ cho rằng ông có quan hệ với người phụ nữ khác. Đã nhiều lần ông nói và giải thích cho bà X hiểu là không có chuyện ông có quan hệ với người phụ nữ tên H như bà X nói, nhưng

bà X vẫn không tin và cứ khăng khăng khẳng định là có, ông với cô H chỉ là anh, em kết nghĩa, ngoài ra không còn tình cảm nào khác. Cũng vì chuyện bà X ghen tuông, vào khoảng giữa năm 2018, ông cũng đã một lần viết đơn khởi kiện đến Tòa án xin ly hôn với bà X, lúc đó ông suy nghĩ mâu thuẫn của vợ chồng ông chưa đến mức phải ly hôn nên ông không nộp đơn cho Tòa án. Đến nay, tuổi ông đã cao, sức chịu đựng của ông có giới hạn, trong sinh hoạt hàng ngày từ những việc nhỏ nhất như điện thoại và tin nhắn của ông, bà X cũng kiểm soát, ông đi công việc thì bà X kiểm tra xe và nói những câu khó nghe. Ông và bà X tuy vẫn sống chung trong một nhà, nhưng tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau nữa mà đã sống ly thân với nhau từ năm 2017 cho đến nay trong thời gian sống ly thân không ai quan tâm đến ai, cuộc sống nặng nề về tình cảm, không hỏi han chăm sóc nhau. Ông xét thấy cuộc sống chung của vợ chồng không thể hòa hợp được, nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Xin được ly hôn với bà Vũ Thị X.

- Về con chung: Ông, bà có bốn người con, các con của ông, bà đều đã trưởng thành trên 18 tuổi và tự lập được về kinh tế nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản và nghĩa vụ tài sản: Ông, bà tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản tự khai ngày 05/6/2019, ngày 11/10/2019, bị đơn bà Vũ Thị X đồng ý với ông S phần trình bày về thời gian, địa điểm kết hôn. Về tình cảm vợ chồng giữa bà và ông S thì bà cho rằng vợ chồng vẫn sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì đáng phải ly hôn, vợ chồng bà vẫn sống bình thường không có gì khác với trước đây. Bà nghi ngờ ông S có quan hệ với người phụ nữ khác tên là H, bà không có chứng cứ gì để chứng minh việc ông S có quan hệ năm nữ với cô H, còn ông S thì nói với bà đấy là anh, em kết nghĩa nhưng bà thấy ông S hay giúp đỡ cô H trong cuộc sống. Bà và ông S vẫn sống chung một nhà, nhưng không quan tâm đến cuộc sống của nhau, bà vẫn còn tình cảm với ông S nên không đồng ý ly hôn. Bà chỉ đồng ý ly hôn với ông S, với điều kiện ông S phải để lại toàn bộ số tài sản chung của vợ chồng cho bà và con trai út là Trần Duy Tuấn Vũ. Bà có yêu cầu, đề nghị Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Bị đơn bà X không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Như ông S trình bày là đúng.

- Về tài sản và nghĩa vụ tài sản: Ông, bà tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán và các quy định khác liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đó theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Cụ thể: Thẩm phán đã xem xét thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà theo quy định tại Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án đúng theo quy định tại các Điều 28, Điều 68 Bộ luật tố tụng. Đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ; tiến hành lấy lời khai, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định tại các Điều 93, 97, 98 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trình tự thụ lý, giải quyết đã gửi, cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng đúng theo quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

*Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn và bị đơn theo quy định của pháp luật.

*Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đình S. Ông Trần Đình S được ly hôn với bà Vũ Thị X. Về con chung, về tài sản và nghĩa vụ tài sản: Ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và trên cơ sở ý kiến của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tố tụng dân sự:

Hội đồng xét xử xét thấy về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Trần Đình S có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà giải quyết việc ly hôn của ông, bà. Đây là quan hệ xin ly hôn và ông, bà đều có hộ khẩu thường trú, sinh sống tại Thôn K, xã Ng, huyện H, tỉnh T cho nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2].Về nội dung:

[2.1].Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Đình S và bà Vũ Thị X kết hôn và chung sống với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết vào ngày 13

tháng 11 năm 1981, tại Ủy ban nhân dân xã Hồng L, huyện Vũ Th, tỉnh B theo quy định. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông S và bà X là hợp pháp. Sau khi kết hôn ông S và bà X sống chung với nhau và có bốn con chung. Đối với chính quyền địa phương qua xác minh không nắm được vợ chồng ông S và bà X có mâu thuẫn. Theo biên bản xác minh bốn người con của ông, bà đó là Trần Thị Thanh L; Trần Thanh Triều D; Trần Duy Khánh D; Trần Duy Tuấn V có trong hồ sơ vụ án của Tòa án thể hiện: Trong cuộc sống hôn nhân ông S và bà X không có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn, cả bốn người con và bà X đều cho rằng: Kể từ khi ông, bà đi chùa thì ông S có quen và cặp bồ với người phụ nữ tên H (hay còn gọi là Gái), bà X và các con cũng đã khuyên bảo ông S, nhưng ông S không thừa nhận việc ông cặp bồ với cô H. Ông S cho rằng, giữa ông và bà X, sống chung một nhà nhưng luôn nghi ngờ lẫn nhau, không tin tưởng nhau, hay ghen tuông vô cớ. Ông S nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà X. Bà X cho rằng mâu thuẫn của vợ chồng không có gì là trầm trọng nên bà không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa ông S đã trở nên trầm trọng khi cả hai ông, bà không tìm được tiếng nói chung với nhau để giải quyết mâu thuẫn mà cứ làm cho mâu thuẫn ngày càng trở nên căng thẳng, dẫn đến ông, bà không còn dành tình cảm và sự trân trọng cho nhau nữa. Trong thời gian giải quyết vụ án, bà X cho rằng vợ chồng vẫn còn tình cảm, nhưng bà X lại đồng ý ly hôn nếu ông S để lại toàn bộ tài sản chung của vợ chồng cho bà và người con trai út, ý kiến của bà X nêu ra ông S không chấp nhận.Thực tế ông, bà đã sống ly thân và không quan tâm, chăm sóc nhau từ năm 2017 cho đến nay. Tại phiên tòa ông S vẫn kiên quyết xin được ly hôn với bà X càng sớm càng tốt.

Từ những nhận định trên, xác định tình trạng hôn nhân giữa ông S và bà X đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, căn cứ ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S xin được ly hôn với bà X.

[2.2]. Về con chung: Ông, bà có bốn người con, các con của ông, bà đã trưởng thành trên 18 tuổi và tự lập được về kinh tế, ông S không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét đề cập đến.

[2.3]. Về tài sản và nghĩa vụ tài sản: Ông, bà tự thỏa thuận phân chia tài sản nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, không xem xét giải quyết, nếu sau này ông S và bà X có tranh chấp về tài sản thì sẽ khởi kiện bằng vụ án khác sau ly hôn.

[2.4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do ông Trần Đình S thuộc trường hợp người cao tuổi, nên được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm (*Ly hôn sơ thẩm*) theo quy định của pháp luật.

[2.5]. *Về quyền kháng cáo:* Ông Trần Đình S và bà Vũ Thị X được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn đề 31 tháng 12 năm 2018 và đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 5 năm 2019 của ông Trần Đình S:

1.Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Đình S được ly hôn với bà Vũ Thị X.

2.Về con chung: Các con chung đều đã trưởng thành, tự lập về kinh tế nên không đề cập.

3.Về tài sản và nghĩa vụ tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4.Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Ông Trần Đình S là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm (*Ly hôn sơ thẩm*).

5.Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 272; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 18/11/2019) ông Trần Đình S và bà Vũ Thị X có quyền làm đơn kháng cáo bản án lên Toà án nhân dân tỉnh T để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh,
-VKSND huyện,
-Chi cục THADS huyện,
-Các đương sự;
-UBND xã Hồng L, H. Vũ Th;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Đoàn Thị Kim Anh